

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124A/2021/DSST
Ngày: 28-9-2021
“*V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Thu, ông Hoàng Tuyền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H’Leo: Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2021/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2021; vụ án thụ lý số: 292/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2021 và theo Quyết định nhập vụ án số: 01/2021/QĐST-NVA, ngày 19 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2021/QĐST-DS, ngày 27/8/2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 148/2021/QĐTS-DS, ngày 13/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T Niê, sinh năm 1991. Địa chỉ: Buôn Briêng B, xã Ea N, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H

Bị đơn và đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị C.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Ea N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T Niê trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2021 trình bày: Vào ngày 04/02/2021 ông Nguyễn Xuân H có vay của bà T Niê số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), hẹn đến ngày 10/02/2021 sẽ trả cả gốc và lãi. Khi vay có viết giấy và ông H đã ký nhận. Đến thời hạn trả nợ ông H không trả như đã hẹn. Vì vậy bà T Niê khởi kiện

yêu cầu ông H trả số tiền 55.000.000 đồng là lãi suất kể từ ngày vay đến khi trả hết toàn bộ số nợ theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2021 trình bày: Vào ngày 15/7/2020 ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C có vay của bà T Niê số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), hạn 20 ngày sau tính từ ngày công chứng sẽ trả. Khi vay có hai bên có làm hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm được công chứng và ông H, bà C đã ký nhận. Đến thời hạn trả nợ ông H, bà C không trả như đã hẹn. Vì vậy bà T Niê khởi kiện yêu cầu ông H, bà C trả số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bà T Niê đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, xin rút yêu cầu ông Thành trả 55.000.000 đồng theo giấy vay ngày 04/02/2021.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Lê Thị C trình bày:

Vào ngày 04/02/2021 ông Nguyễn Xuân H có vay của bà T Niê số tiền 55.000.000 đồng, hạn đến ngày 10/02/2021 sẽ trả. Vào ngày 15/7/2020 ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C có vay của bà T Niê số tiền 150.000.000 đồng, hạn 20 ngày sau tính từ ngày công chứng sẽ trả, lãi suất tự thỏa thuận. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thị Tâm. Bà Lê Thị C xác định hai vợ chồng có nợ chung các khoản nợ trên của bà T Niê. Nhưng nay hoàn cảnh khó khăn nên bà C xin trả dần số nợ nêu trên tùy khả năng kinh tế hàng tháng cho đến khi trả hết tổng số nợ 205.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án xem xét giảm lãi cho chúng tôi.

Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ ông Nguyễn Xuân H là bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của H về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục và chức năng nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, con bị đơn đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp và quá trình xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 207 và 227 Bộ luật Tố Tụng dân sự; các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà T Niê. Buộc ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C phải trả cho bà T Niê số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C còn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện E xác định là đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thụ ý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung:

[1]. Vào ngày 15/7/2020 ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C có vay của bà T Niê số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), hạn 20 ngày sau tính từ ngày công chứng sẽ trả. Khi vay có hai bên có làm hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm được công chứng. Tại hợp đồng, về lãi suất tự thỏa thuận, nên không xác định rõ về lãi suất. Vì vậy, cần chấp nhận hình thức hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm đã được xác lập giữa bà T Niê và bà ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C là phù hợp với Điều 119 Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông H, bà C vẫn chưa trả nợ như đã hạn nên bà T Niê khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện E buộc ông H, bà C phải trả hết số nợ và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

[2]. Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu của bà T Niê yêu cầu ông H, bà C phải trả số tiền 150.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà C thừa nhận bà C và ông H có nợ bà T Niê số tiền trên, hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thị Tâm, tỉnh Đắk Lắk, số công chứng: 002909, quyển số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 15/7/2020. Đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, việc ông H, bà C đã vay của bà T Niê số tiền 150.000.000 đồng là có thật. Nay ông H, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T Niê. Trong quá trình giải quyết vụ án bà C chấp nhận trả nợ cho bà T Niê và xin trả dần hàng tháng khoản nợ trên nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về số tiền cụ thể trả hàng tháng phải trả và thời hạn trả nợ. Vì vậy, cần buộc ông H, bà C phải trả cho bà T Niê số tiền 150.000.000 đồng.

[3]. Về lãi suất: Tại hợp đồng vay tiền, các bên không thỏa cụ thể thuận về lãi suất, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào về lãi suất mà các

bên thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền ông H, bà C còn nợ theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Vì vậy, cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để giải quyết về lãi suất chậm trả.

Trong hợp đồng vay hai bên thỏa thuận ngày trả là hạn 20 ngày sau tính từ ngày ký hợp đồng ngày 15/7/2020. Do vậy, xác định ngày ông H, bà C phải trả tiền lãi suất chậm trả cho bà T Niê tính từ ngày 05/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

“1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

[4]. Do vậy, cần buộc ông H, bà C phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền 150.000.000 đồng kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 05/8/2020 đến ngày xét xử 29/9/2021 là 13 tháng 24 ngày, lãi suất được tính như sau:

150.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 13 tháng 24 ngày = 17.181.000 đồng.

Bà T Niê xin rút yêu cầu ông H trả 55.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu trên là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên: Cần buộc ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C phải trả cho bà T Niê tổng cộng cả nợ gốc và lãi suất là: 150.000.000 đồng + 17.222.500 đồng = 167.181.000 đồng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 119, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà T Niê. Ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C phải trả cho bà T Niê tổng số tiền 167.181.000 đồng (*Một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm tám mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả 17.181.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử với yêu cầu của bà T Niê yêu cầu ông H trả 55.000.000 đồng. Bà T Niê được khởi kiện lại yêu cầu này trong vụ án khác nếu có tranh chấp.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị C phải chịu số tiền 8.359.000 đồng án phí DSST. Trả lại cho bà T Niê số tiền 1.375.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số 0000205 ngày 31/5/2021 và số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên lai số 0000278 ngày 30/6/2021

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện EaH'leo;
- Thi hành án huyện EaH'leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Đỗ Xuân Cường